|  |  |
| --- | --- |
| **30-Thủ tục** | **Công bố cơ sở đủ điều kiện thực hiện việc khám sức khỏe**  |
|  **Trình tự thực hiện** |
|  | **Bước 1**. Cơ sở KBCB phải gửi hồ sơ công bố KSK đến Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi cơ sở KBCB đặt trụ sở.**Bước 2**. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ công bố đủ điều kiện KSK, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi cho cơ sở KBCB công bố đủ điều kiện KSK (sau đây gọi tắt là cơ sở công bố đủ điều kiện) Phiếu tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT**Bước 3.** Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải tiến hành thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản thông báo cho cơ sở công bố đủ điều kiện để hoàn chỉnh hồ sơ. Văn bản thông báo phải nêu cụ thể tài liệu phải bổ sung và các nội dung phải sửa đổi. Khi nhận được văn bản thông báo hồ sơ chưa hợp lệ, cơ sở công bố đủ điều kiện phải hoàn thiện và gửi hồ sơ bổ sung về cơ quan có thẩm quyền.**Bước 4*.*** Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ đối với hồ sơ hợp lệ hoặc kể từ ngày ghi trên phần tiếp nhận hồ sơ bổ sung đối với hồ sơ chưa hợp lệ, nếu cơ quan tiếp nhận hồ sơ không có văn bản trả lời thì cơ sở công bố đủ điều kiện KSK được triển khai hoạt động KSK theo đúng phạm vi chuyên môn đã công bố. |
|  |  |
|  **Cách thức thực hiện** |
|  | Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi cơ sở KBCB đặt trụ sở |

|  |
| --- |
|  **Thành phần, số lượng hồ sơ** |
|  | ***I. Thành phần hồ sơ bao gồm:***a) Văn bản công bố đủ điều kiện thực hiện KSK theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013;b) Bản sao có chứng thực Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của cơ sở;c) Danh sách người tham gia KSK theo mẫu quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013(được đóng dấu trên từng trang hoặc đóng dấu giáp lai tất cả các trang);d) Bản danh mục cơ sở vật chất và thiết bị y tế quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013;đ) Báo cáo về phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở KSK;e) Bản sao có chứng thực hợp đồng hỗ trợ chuyên môn (nếu có).***II. Số lượng hồ sơ:*** 01bộ |
|  **Thời hạn giải quyết** |
|  |  20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ |
|  **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính** |
|  | Tổ chức |
|  **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**  |
|  | Sở Y tế tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi cơ sở KBCB đặt trụ sở |
|  **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính** |
|  | Không có |
|  **Lệ phí** |
|  | Nộp phí theo mức phí thu viện phí hiện hành |
|  **Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (Đính kèm ngay sau thủ tục này)** |
|  | - Phụ lục 4: Danh mục cơ sở vật chất và thiết bị y tế của cơ sở khám sức khỏe- Phụ lục 5: Văn bản công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe- Phụ lục 6: Danh sách người tham gia khám sức khỏe  |
|  **Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính** |
|  | **Điều 9 Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013: Điều kiện về nhân sự** a) Người thực hiện khám lâm sàng, cận lâm sàng phải có chứng chỉ hành nghề KBCB theo quy định của Luật KBCB phù hợp với chuyên khoa mà người đó được giao trách nhiệm khám. Trường hợp người thực hiện kỹ thuật cận lâm sàng mà pháp luật không quy định phải có chứng chỉ hành nghề KBCB thì phải có bằng cấp chuyên môn phù hợp với công việc được phân công.b) Người kết luận phải đáp ứng các điều kiện sau: - Là bác sỹ có chứng chỉ hành nghề KBCB và có thời gian KBCB ít nhất là 54 (năm mươi tư) tháng; - Được người có thẩm quyền của cơ sở KSK phân công thực hiện việc kết luận sức khỏe, ký Giấy KSK, Sổ KSK định kỳ. Việc phân công phải được thực hiện bằng văn bản và đóng dấu hợp pháp của cơ sở KBCB.c) Đối với cơ sở KSK cho người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và người Việt Nam đi lao động theo hợp đồng ở nước ngoài, học tập ở nước ngoài (sau đây gọi tắt là cơ sở KSK có yếu tố nước ngoài), ngoài việc đáp ứng các quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, phải đáp ứng thêm các điều kiện sau: - Người thực hiện khám lâm sàng, người kết luận phải là bác sỹ chuyên khoa cấp I hoặc thạc sỹ y khoa trở lên; - Khi người được KSK và người KSK không cùng thành thạo một thứ tiếng thì phải có người phiên dịch. Người phiên dịch phải có giấy chứng nhận đủ trình độ phiên dịch trong KBCB theo quy định của Luật KBCB.**Điều 10 Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013: Điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị**a) Có phòng khám lâm sàng, cận lâm sàng từng chuyên khoa theo quy định của Bộ Y tế phù hợp với nội dung KSK. b) Có đủ cơ sở vật chất và thiết bị y tế thiết yếu theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này. **Điều 11 Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06/5/2013: Điều kiện và phạm vi hoạt động chuyên môn** a) Điều kiện đối với cơ sở KSK không có yếu tố nước ngoài: Thực hiện được các kỹ thuật chuyên môn phù hợp với nội dung ghi trong Giấy KSK quy định tại các Phụ lục 1, 2, 3 ban hành kèm theo Thông tư này.b) Điều kiện đối với cơ sở KSK có yếu tố nước ngoài, ngoài việc đáp ứng quy định tại Khoản 1 Điều này, phải thực hiện được các kỹ thuật cận lâm sàng sau: - Xét nghiệm máu: Công thức máu, nhóm máu ABO, nhóm máu Rh, tốc độ máu lắng, tỷ lệ huyết sắc tố, u rê máu; - Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu; - Xét nghiệm viêm gan A, B, C, E; - Xét nghiệm huyết thanh giang mai; - Xét nghiệm khẳng định tình trạng nhiễm HIV (HIV dương tính);  - Thử phản ứng Mantoux;  - Thử thai; - Xét nghiệm ma tuý; - Xét nghiệm phân tìm ký sinh trùng; - Điện tâm đồ; - Điện não đồ;  - Siêu âm; - Xét nghiệm chẩn đoán bệnh phong.Trường hợp cơ sở KSK có yếu tố nước ngoài chưa đủ điều kiện thực hiện các kỹ thuật quy định tại điểm đ và điểm n Khoản 2 Điều này thì phải ký hợp đồng hỗ trợ chuyên môn với cơ sở KBCB có giấy phép hoạt động và được phép thực hiện các kỹ thuật đó. c) Phạm vi chuyên môn: - Cơ sở KBCB đủ điều kiện quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 9, Điều 10 và Khoản 1 Điều 11 của Thông tư này được tổ chức KSK nhưng không được KSK có yếu tố nước ngoài. - Cơ sở KBCB đủ điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 9, Điều 10 và Khoản 2 Điều 11 Thông tư này được tổ chức KSK bao gồm cả việc KSK có yếu tố nước ngoài. |
|  **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính** |
|  | 1. Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;2. Bộ luật lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;3. Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng ngày 29 tháng 11 năm 2006 ;4. Nghị định số 06/CP ngày 20 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động và Nghị định số 110/2002/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/CP ngày 20 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật lao động về an toàn lao động, vệ sinh lao động;5. Nghị định số 126/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 08 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;6. Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam và Nghị định số 46/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2008/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về tuyển dụng và quản lý người nước ngoài làm việc tại Việt Nam;7. Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 về việc hướng dẫn khám sức khỏe. |

**Phụ lục 4**

**DANH MỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ THIẾT BỊ Y TẾ**

**CỦA CƠ SỞ KHÁM SỨC KHỎE**

*(Kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013*

*của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

| **TT** | **Nội dung** | **Số lượng** |
| --- | --- | --- |
| **I. CƠ SỞ VẬT CHẤT** |
| 1 | Phòng tiếp đón | 01 |
| 2 | Phòng khám chuyên khoa: Nội, nhi, ngoại, sản phụ khoa, mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt, da liễu | 08 |
| 3 | Phòng chụp X. quang | 01 |
| 4 | Phòng xét nghiệm | 01 |
| **II. THIẾT BỊ Y TẾ** |
| 1 | Tủ hồ sơ bệnh án/phương tiện lưu trữ hồ sơ khám sức khỏe | 01 |
| 2 | Tủ thuốc cấp cứu/túi thuốc cấp cứu | 01 |
| 3 | Bộ bàn ghế khám bệnh | 02 |
| 4 | Giường khám bệnh | 02 |
| 5 | Ghế chờ khám | 10 |
| 6 | Tủ sấy dụng cụ | 01 |
| 7 | Nồi luộc, khử trùng dụng cụ y tế | 01 |
| 8 | Cân có thước đo chiều cao/Thước dây | 01 |
| 9 | Ống nghe tim phổi  | 02 |
| 10 | Huyết áp kế  | 02 |
| 11 | Đèn đọc phim X.quang | 01 |
| 12 | Búa thử phản xạ | 01 |
| 13 | Bộ khám da (kính lúp) | 01 |
| 14 | Đèn soi đáy mắt | 01 |
| 15 | Hộp kính thử thị lực | 01 |
| 16 | Bảng kiểm tra thị lực | 01 |
| 17 | Bảng thị lực màu | 01 |
| 18 | Bộ khám tai mũi họng: đèn soi, 20 bộ dụng cụ, khay đựng | 01 |
| 19 | Bộ khám răng hàm mặt | 01 |
| 20 | Bàn khám và bộ dụng cụ khám phụ khoa | 01 |
| 21 | Thiết bị phân tích huyết học | 01 |
| 22 | Thiết bị phân tích sinh hóa | 01 |
| 23 | Thiết bị phân tích nước tiểu/Bộ dụng cụ thử nước tiểu | 01 |
| 24 | Thiết bị chụp X. quang | 01 |
| **III. NGOÀI CÓ ĐỦ CÁC THIẾT BỊ TẠI MỤC II PHỤ LỤC NÀY, CƠ SỞ KSK** **CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI PHẢI CÓ THÊM CÁC THIẾT BỊ Y TẾ SAU:** |
| 25 | Thiết bị đo điện não | 01 |
| 26 | Thiết bị siêu âm | 01 |
| 27 | Thiết bị điện tâm đồ | 01 |

**Phụ lục 5**

**MẪU VĂN BẢN CÔNG BỐ ĐỦ ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN KHÁM SỨC KHỎE**

*(Kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013*

*của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

|  |  |
| --- | --- |
| ...........[[1]](#footnote-1).....................[[2]](#footnote-2)..........Số: /VBCB-....[[3]](#footnote-3)..... | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *......[[4]](#footnote-4)......., ngày......tháng.......năm ......*  |

**VĂN BẢN CÔNG BỐ**

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe**

Kính gửi: ...............................................[[5]](#footnote-5).....................................................

Tên cơ sở nộp hồ sơ:..........................................................

Địa điểm: ...........................................[[6]](#footnote-6)

Điện thoại: Email (nếu có):

Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe và gửi kèm theo văn bản này bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1. | Bản sao có chứng thực Giấy phép hoạt động của cơ sở | [ ]  |
| 2. | Danh sách người tham gia khám sức khỏe  | [ ]  |
| 3. | Danh mục trang thiết bị, cơ sở vật chất  | [ ]  |
| 4. | Báo cáo về phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở KSK | [ ]  |
| 5. | Các hợp đồng hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật hợp pháp đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 11 Thông tư này. | [ ]  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **GIÁM ĐỐC***(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục 6**

**MẪU DANH SÁCH NGƯỜI THỰC HIỆN KHÁM SỨC KHỎE**

*(Kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013*

*của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

|  |  |
| --- | --- |
| ...........[[7]](#footnote-7).....................[[8]](#footnote-8)..........Số: /.............. | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *......[[9]](#footnote-9)......., ngày......tháng.......năm ......*  |

**DANH SÁCH NGƯỜI THỰC HIỆN KHÁM SỨC KHỎE**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Bằng cấp chuyên môn** | **Số chứng chỉ hành nghề** | **Vị trí****chuyên môn** | **Thời gian khám bệnh, chữa bệnh** |
|  | .................[[10]](#footnote-10)............ | .........[[11]](#footnote-11)........ | ......[[12]](#footnote-12)........... | .......[[13]](#footnote-13).......... | ........[[14]](#footnote-14)......... |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| .... .... |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **GIÁM ĐỐC***(Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu)* |

1. Tên cơ quan chủ quản của cơ sở khám sức khỏe [↑](#footnote-ref-1)
2. Tên của cơ sở khám sức khỏe [↑](#footnote-ref-2)
3. Chữ viết tắt tên cơ sở khám sức khỏe [↑](#footnote-ref-3)
4. Địa danh [↑](#footnote-ref-4)
5. Tên cơ quan tiếp nhận hồ sơ quy định tại Khoản 3 Điều 12 Thông tư này [↑](#footnote-ref-5)
6. Địa chỉ cụ thể của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh [↑](#footnote-ref-6)
7. Tên cơ quan chủ quản của cơ sở khám sức khỏe [↑](#footnote-ref-7)
8. Tên của cơ sở khám sức khỏe [↑](#footnote-ref-8)
9. Địa danh [↑](#footnote-ref-9)
10. Ghi đầy đủ họ và tên của người thực hiện khám sức khỏe [↑](#footnote-ref-10)
11. Ghi rõ bằng cấp chuyên môn của người thực hiện khám sức khỏe [↑](#footnote-ref-11)
12. Ghi số, ký hiệu của chứng chỉ hành nghề mà người thực hiện khám sức khỏe đã được cấp [↑](#footnote-ref-12)
13. Ghi rõ vị trí chuyên môn mà người thực hiện khám sức khỏe được giao phụ trách. Ví dụ: Người thực hiện khám lâm sàng hoặc người xác nhận kết quả xét nghiệm hoặc người đọc và kết luận phim chụp X-quang hoặc người kết luận [↑](#footnote-ref-13)
14. Ghi rõ số năm mà người thực hiện khám sức khỏe đã thực hiện việc khám bệnh, chữa bệnh [↑](#footnote-ref-14)